

Triết lí giáo dục của John Dewey - Quá trình hình thành và một số nội dung cơ bản

Phạm Thị Hồng Ngân

Học viện Chính trị Khu vực III
Số 232 đường Nguyễn Công Trứ, quận Sơn Trà,
thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
Email: hongnganhtv3@gmail.com

TÓM TẮT: Trong bối cảnh nền giáo dục truyền thống của nước Mỹ tồn tại những hạn chế cần khắc phục, với việc đề ra hai nguyên lí của triết học giáo dục, ba giai đoạn của chương trình học, năm bước của phương thức tư duy toàn diện và hai nhiệm vụ của người giáo viên, triết lí giáo dục của John Dewey đã đem lại một luồng gió mới, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển của nền giáo dục Mỹ đương thời. Cùng với thời gian, những nội dung trong triết lí giáo dục của John Dewey không hề thuyên giảm sức ảnh hưởng của mình mà nó vẫn tiếp tục đóng hành và trở thành những quy luật, phương thức giáo dục căn bản của nền giáo dục Mỹ hiện đại.

TỪ KHÓA: John Dewey; giáo dục Mỹ; triết lí giáo dục.

→ Nhận bài 06/3/2019 → Nhận kết quả phản biên và chỉnh sửa 15/4/2019 → Duyệt đăng 25/4/2019

1. Đặt vấn đề

Tinh hoa của xã hội Mỹ không chỉ được hun đúc từ sự kiên trì, lòng dũng cảm, truyền thống năng động và sáng tạo khoa học mà còn bởi khát khao luôn tìm tòi cái mới như cố Tổng thống John Fitzgerald Kennedy đã từng nói: “Đây là bí mật của nước Mỹ: Một quốc gia của những con người vừa biết gìn giữ những truyền thống cũ vừa dám khám phá những chân trời mới”. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho những trào lưu tư tưởng mới, tiên bộ, có hiệu quả ra đời và phát triển một cách mạnh mẽ, nhanh chóng lan tỏa vào đời sống xã hội Mỹ. Trên hành trình chinh phục những chân trời mới ấy, đất nước và con người Mỹ đã gạt hải được những thành quả to lớn. Trong đó, một nền giáo dục (GD) tiên tiến mang đậm dấu ấn triết lí GD của nhà triết học lỗi lạc John Dewey là một trong những thành tựu đáng tự hào của nước Mỹ. Thông qua quá trình tổng hợp và thống kê tài liệu, phân tích và diễn giải một cách logic, cụ thể các vấn đề theo từng nhóm nội dung, chúng tôi đã làm sáng tỏ được quá trình hình thành cũng như các nội dung cơ bản trong triết lí GD của John Dewey.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quá trình hình thành triết lí giáo dục của John Dewey

Ngay từ thời kì thuộc địa, người Mỹ đã đặt kì vọng và chú trọng vào phát triển GD. Tuy nhiên, nước Mỹ không có một hệ thống GD thống nhất toàn liên bang mà GD được xem là lĩnh vực thuộc về chính quyền địa phương. Sự phát triển của GD này sinh từ những sáng kiến địa phương. Các bang, thị trấn được tự chủ về tài chính, thiết kế chương trình, tổ chức giảng dạy, tuyển dụng giáo viên và chịu sự giám sát trực tiếp của địa phương. Tinh phi tập trung hoá và trình độ độc lập cao của hệ thống GD Mỹ tạo cơ hội cho việc phát triển GD phù hợp với yêu cầu của mỗi cộng đồng.

Trong điều kiện đó, ở Mỹ đã xuất hiện hai trường phái tư tưởng GD mâu thuẫn nhau. Đó là *lí thuyết GD truyền thống lấy nội dung dạy học là trung tâm* do William Torrey Harris

dẫn đầu và *trào lưu cải cách lãng mạn* tán thành phương thức GD lấy người học làm trung tâm do Stanley Hall khởi xướng. Tư tưởng GD truyền thống luôn đề cao tính kỉ luật, sự hướng dẫn theo trình tự trong việc bồi đắp tri thức; kết quả cũng như phương pháp GD đều phụ thuộc vào nội dung môn học, người học đơn giản chỉ có việc tiếp thu và thừa nhận; việc GD được coi là hoàn thành khi người học trở nên dễ sai khiến và dễ uốn nắn. *Trào lưu cải cách lãng mạn* lại yêu cầu phương pháp GD phải diễn ra và tuân theo sự phát triển tự nhiên của con người, những yếu tố khác không có ý nghĩa gì cả. Hai trường phái tư tưởng GD này đã tham gia vào một cuộc xung đột gay gắt về triết học vào những năm 1890. Những người theo chủ nghĩa truyền thống bảo vệ kiến thức mà nhân loại đã tạo dựng nên qua hàng thế kỉ đấu tranh trên mặt trận tri thức và nhìn nhận GD lấy người học làm trung tâm như sự đầu hàng vô tổ chức của quyền lực. Trong khi đó, những người theo chủ nghĩa lãng mạn đề cao tính tự phát và sự biến đổi, buộc tội những người đối lập là đàn áp tính cá nhân của người học bằng một phương pháp GD tẻ nhạt, cứng nhắc và áp đặt.

Sự bế tắc của *hai tư tưởng GD* này đặt ra một vấn đề là phải tìm ra một phương cách nhằm sửa chữa các khuyết điểm của GD truyền thống Mỹ. Trong bối cảnh ấy, *John Dewey đã tìm tòi nghiên cứu, thử nghiệm nhiều khía cạnh khác nhau để có thể đưa ra những kết luận đúng đắn nhất* *Quá trình hình thành và phát triển triết lí GD của John Dewey được* chia thành ba giai đoạn sau:

Thứ nhất, John Dewey phê bình những khuyết điểm của GD truyền thống và đương thời lúc bấy giờ. Ông cho rằng, những quan điểm này có trọng yếu tổ ngẫu nhiên của *hoàn cảnh* mà không nhận mạnh đến vai trò quan trọng của *con người*; không nắm bắt và phát huy được mối quan hệ giữa trường học và đời sống, giữa người truyền đạt tri thức và người tiếp thu tri thức, giữa lí thuyết và thực hành. Mô hình GD truyền thống luôn áp đặt các tiêu chí, các chủ đề *nhấn* học và các phương pháp của người lớn lên lên thế hệ trẻ mà

không coi trọng những đặc thù, nhu cầu riêng trong sự phát triển của người học. Quan điểm GD quá bao thủ, thiếu tính hiệu quả, tính nhân văn và tính dân chủ như vậy sẽ dẫn đến một phương pháp sư phạm không đúng đắn; không có tác động thực đầy sự phát triển của con người; không thể đào tạo các thế hệ trẻ cho cuộc sống tương lai của một xã hội dân chủ, một xã hội đòi hỏi con người phải có tính tích cực, niềm tin, tư duy độc lập, sáng tạo, tầm nhìn xa và năng lực giải quyết những vấn đề cá nhân phù hợp với lợi ích chung. Một phương pháp GD không mang lại ý nghĩa thiết thực thì nên được thay thế bằng một phương pháp GD khoa học hơn.

Thứ hai, John Dewey đề xuất và thử nghiệm các nguyên lý của triết học GD với việc lập ra Trường *Thực nghiệm GD* (sau này được gọi là Trường John Dewey) vào năm 1896 ở Chicago, dạy dỗ trẻ em trong lứa tuổi từ 4 đến 13 tuổi, trong đó các đề cương môn học và phương pháp giảng dạy được thiết kế theo triết lý GD của ông. Những năm đầu thế kỷ XX, John Dewey tiếp tục xây dựng Trường Thực nghiệm GD ở Columbia. Mục tiêu của việc thành lập ngôi trường này là nhằm thử nghiệm một phương cách GD chú trọng việc gây hứng thú, tính sáng tạo, phát triển kỹ năng, tiếp cận thực tế của người học. Bên cạnh đó, John Dewey còn viết nhiều tác phẩm với nội dung phân tích các cơ sở tâm lý học và triết học của việc thực hành sư phạm. Mặc dù đây mới chỉ là những phân tích bước đầu, nội dung còn mang tính tổng quát nhưng chúng đã thể hiện được quan điểm về GD của John Dewey, điển hình là tác phẩm *Nhà trường và xã hội* (1899), *Trẻ em và chương trình giảng dạy* (1902), *Nhà trường và trẻ em* (1909), *Các trường học của tương lai* (1915)...

Thứ ba, John Dewey tiến hành bổ sung, phát triển và hoàn thiện các nguyên lý của triết học GD bằng cách bắt đầu đi sâu vào những nội dung nghiên cứu về triết lý GD của mình. Những tác phẩm như *Chúng ta tư duy như thế nào?* (1910), *Dân chủ và GD* (1916), *Kinh nghiệm và GD* (1938) đã nghiên cứu các vấn đề trọng tâm là mối quan hệ giữa tư duy và quá trình GD, nối kết giữa kinh nghiệm và tự nhiên, nhà trường và đời sống, người dạy và người học, nội dung tri thức và đời sống hiện thực. John Dewey cho rằng GD có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng và phát triển một xã hội dân chủ và là nhân tố quyết định của nền dân chủ bởi vì mọi thành viên của xã hội đều được chia sẻ các giá trị và các thành quả của nền GD: một nền GD tốt có thể bổ sung các khiếm khuyết trong cuộc sống gia đình và thực tiễn xã hội.

Những tư duy nhận thức ban đầu là nền tảng vững chắc để John Dewey tiếp tục nghiên cứu và đưa ra những triết lý về GD có ý nghĩa sâu sắc, không chỉ có giá trị đối với nền GD Mỹ đương thời mà còn ghi lại dấu ấn đậm nét đối với nền GD Mỹ hiện đại.

2.2. Một số nội dung cơ bản trong triết lý giáo dục của John Dewey

2.2.1. Hai nguyên lý của triết học giáo dục

Với quan điểm GD tiên bộ, coi trọng mối quan hệ mật thiết và tất yếu của GD với các quá trình trải nghiệm thực

tế, khuyến khích HS tăng cường thể hiện cá tính, hoạt động tự do, học qua trải nghiệm và đạt được các kỹ năng sống động có thể thích ứng được với sự biến đổi của thế giới, John Dewey đã đề ra nội dung hai nguyên lý về triết học GD của mình.

Nguyên lý GD quan trọng đầu tiên mà John Dewey khẳng định là *GD là một quá trình xã hội. GD là sự phát triển, GD không phải là một sự chuẩn bị cho đời sống, mà GD chính là cuộc sống*. Cùng với việc phê bình quan điểm xem GD chỉ có chức năng đơn thuần là một bước đệm, một sự chuẩn bị cho cuộc sống tương lai; John Dewey cho rằng nhà trường không chỉ là nơi người học đến tiếp thu tri thức mà nhà trường chính là một môi trường sống thật sự. *"Sân phẩm cao quý nhất của nhà trường là ở chỗ nhà trường tạo ra khuyến khích học hỏi từ bản thân đời sống và nó cung cấp điều kiện sống nào đó để tất cả mọi người sẽ học trong quá trình họ đang sống"* (John Dewey, 2008, *Dân chủ và giáo dục*, NXB Tri thức, tr.74). Để đưa nguyên lý GD này vào trong thực tế, cần phải có một quá trình với sự kết hợp của nhiều yếu tố: Thiết kế các chương trình và tổ chức quá trình GD chú trọng sự tiếp cận đời sống thực tế, rèn luyện hệ thống kỹ năng, không quá thiên về GD lý thuyết. GD như vậy sẽ mang đầy đủ ý nghĩa về đời sống hằng ngày.

Nguyên lý GD thứ hai của John Dewey là *học bằng cách làm*. Cơ sở hình thành nguyên lý này là từ quan điểm của triết học với nội dung: Kinh nghiệm và tự nhiên là liên tục, là một loại tác dụng thông suốt không thể chia cắt, với tư cách là một thể hữu cơ, con người có phản ứng và thích ứng khác nhau đối với các hoàn cảnh. Vì thế, thực hành và thực nghiệm phải là cốt lõi của GD. John Dewey cho rằng quá trình GD không chỉ nhằm mục đích trang bị kiến thức mà phải xây dựng, bồi dưỡng và hoàn thiện các kỹ năng cho người học. *Những trải nghiệm trong quá trình học tập: sự vận dụng lý thuyết vào những hoàn cảnh, tình huống cụ thể, sinh động hay cách thức giải quyết những vấn đề rắc rối, những mâu thuẫn nảy sinh sẽ là những kinh nghiệm quý báu mà người học có được*. Trong mỗi tương quan với môi trường sống, con người là một chủ thể có quan điểm, mục đích sống rõ ràng, có ý chí thực hiện hành vi và khả năng chịu trách nhiệm với hành vi mình thực hiện. Vì thế, GD sẽ không hoàn thành được sự mệnh đào tạo con người nếu như không hình thành được kinh nghiệm sống cho người học.

John Dewey đã dành nhiều công sức sáng tạo, thử nghiệm, vận dụng và đúc kết để xây dựng và hoàn thiện hệ thống triết học GD của mình. Trong đó, nội dung cơ bản mà triết lý GD của ông đề cập đến chính là việc thiết lập mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà trường và đời sống, người dạy và người học, nội dung tri thức và đời sống hiện thực. Có như vậy, quá trình GD mới thực sự mang lại ý nghĩa thiết thực cho người học.

2.2.2. Ba giai đoạn của một chương trình giáo dục

Trên nền tảng những nguyên lý căn bản về GD đã nêu ra, nhà trường đối với John Dewey không chỉ là một cộng đồng nơi mà HS và thầy cô cùng tham gia vào quá trình học

tập để làm giàu tri thức mà đó còn là một môi trường được chuyên biệt hóa, trong đó các kiến thức được đơn giản hóa để phù hợp với khả năng tiếp thu của HS; được tinh lọc hóa để những kiến thức độc hại không làm hư hỏng HS và ngăn trở sự phát triển của chúng; được cân bằng, tổng hợp và liên quan với nhau để HS có thể thấy được mối quan hệ hỗ tương của các môn học và ảnh hưởng của nó đến môi trường sinh học, cũng như không đặt một môn học nào quan trọng hơn môn học nào. Từ nhận thức này, John Dewey đề nghị một chương trình GD tổng quát gồm ba giai đoạn. Trong đó, giai đoạn trước là cơ sở để hình thành giai đoạn kế tiếp và giai đoạn sau bổ sung, phát triển cho giai đoạn trước đó. Ba giai đoạn trong chương trình GD của John Dewey có quan hệ mật thiết và không thể tách rời nhau.

Giai đoạn thứ nhất dành cho các HS tiểu học, chú trọng vào các sinh hoạt vừa làm vừa học qua các dự án. Trong đó, nhà trường sẽ tổ chức các hoạt động bổ ích để HS có thể áp dụng những lí thuyết mà mình được học vào thực tiễn cuộc sống một cách sinh động, linh hoạt như tạo một mảnh vườn trong sân trường, vẽ các biểu ngữ... Học và làm như vậy, HS phải giải quyết các vấn đề theo một tiến trình bao gồm các bước: Giải thuyết, kế hoạch, thực hiện và kiểm chứng.

Giai đoạn thứ hai là học Lịch sử và Địa lí qua các sinh hoạt và dự án, giúp HS phát triển nhận thức và khái niệm về thời gian và không gian. Lịch sử là môn học nghiên cứu và phân tích những sự kiện đã xảy ra; trong chương trình giảng dạy, những sự kiện đó sẽ được so sánh, đối chiếu trong tương quan với cuộc sống hiện tại hay những dự đoán cho tương lai. Qua đó, HS có thể nhận thức được các mốc thời gian cụ thể từ quá khứ đến hiện tại và tương lai. Địa lí là môn học về sự biến đổi vị trí không gian của các hiện tượng tự nhiên và con người trên trái đất; mỗi vùng miền, mỗi địa phương, mỗi quốc gia đều có vị trí và những đặc điểm địa lí riêng biệt. Môn học này sẽ cung cấp nguồn kiến thức bổ ích giúp HS có thể nhận biết được những không gian nhất định. Như vậy, học tập Lịch sử và Địa lí không chỉ là nguồn kiến thức bắt buộc trong nhà trường mà đó còn là một phương tiện hữu ích giúp HS có thể hình thành những nhận thức đúng đắn về thời gian và không gian bởi lẽ kinh nghiệm của con người không xảy ra trong khoảng không mà nằm trong dòng thời gian và không gian.

Giai đoạn thứ ba là học Khoa học. Theo John Dewey, Khoa học bao gồm các môn khoa học tự nhiên như Vật lí, Hóa học... và cả các môn khoa học nhân văn. Sau khi đã hình thành cho mình những kiến thức căn bản từ giai đoạn thứ nhất và giai đoạn thứ hai, HS mạnh dạn bước sang giai đoạn thứ ba. Khoa học cung cấp cho người học những kết quả tổng quát đáng tin cậy vì chúng đã được chứng minh qua thử nghiệm, chứ không cho người học những chân lí tuyệt đối. Do đó, học Khoa học giúp người học có hiểu biết sâu sắc hơn và có cái nhìn toàn diện hơn đối với cuộc sống.

2.2.3. Năm bước của phương thức tư duy toàn diện

Điểm sáng trong triết lí GD của John Dewey chính là phương thức tư duy toàn diện. John Dewey đã đề ra *phương*

thức tư duy toàn diện dựa trên nền tảng lí luận là ba nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa thực dụng: Một là, ý tưởng chi có giá trị khi đã được thử nghiệm trong hoạt động thực sự của con người; Hai là, kinh nghiệm là kết quả của sự tương tác giữa con người với nhau và giữa con người với thiên nhiên; Ba là, trong đời sống, con người sẽ phải đối phó với nhiều vấn đề khác với những kinh nghiệm đã từng trải qua làm cho đời sống bỗng đưng bị trục trặc và cần được giải quyết. Phương thức khoa học này gồm năm bước, mỗi bước bao gồm những hoạt động khác nhau nhưng xét một cách tổng thể, các hoạt động trong mỗi bước có mối liên hệ tác động, hỗ trợ lẫn nhau một cách hợp lí và hiệu quả.

Thứ nhất là gặp một tình huống có vấn đề. Trong học tập, mỗi ngày, người học luôn phải đối mặt với những tình huống. Dù tình huống đó đặt ra những thử thách cam go hay mang lại những trải nghiệm thú vị thì người học vẫn phải chấp nhận bởi đó là quy luật tất yếu của xã hội. Trong số những tình huống đó, có những tình huống người học đã từng trải qua trong quá khứ, cũng có những tình huống hoàn toàn mới mẻ, người học chưa từng được trải nghiệm dù chỉ một lần trong đời. Như vậy, gặp một tình huống có vấn đề là bước căn bản đầu tiên dẫn dắt người học duy tiếp tục để tìm ra giải quyết tình huống đó sao cho hợp lí nhất.

Thứ hai là xác định vấn đề, nghĩa là phải nhận dạng vấn đề đó là gì. Trong bước này, người học cần phải xem xét tình huống một cách cẩn thận. Nếu xác định được vấn đề, có thể tìm ra cách thức để giải quyết nó một cách nhanh chóng; Ngược lại, nếu xác định không đúng hoặc không xác định được vấn đề, sẽ không thể giải quyết vấn đề một cách triệt để hoặc là phải mất rất nhiều thời gian để giải quyết nó, thậm chí là vấn đề đó sẽ không thể được giải quyết.

Thứ ba là nghiên cứu, thăm dò, điều tra vấn đề, nghĩa là phải sở hữu kiến thức và thực hiện những quan sát cần thiết để xử lí kiến thức đó. Sau khi đã xác định được vấn đề, từ duy đoán dẫn nhất lúc này là xấu chuổi với những vấn đề đã gặp trong quá khứ. Nếu vấn đề mới tương tự với vấn đề cũ thì có thể áp dụng bài học kinh nghiệm từ cách thức hay phương tiện của vấn đề cũ để giải quyết. Điều này không chỉ giúp hiệu quả giải quyết vấn đề cao hơn mà còn tiết kiệm được nguồn thời gian quý giá. Nếu không liên kết được với các vấn đề trước đây, phải tìm tòi trong sách vở hay tham khảo với bạn bè để nắm vững các đặc tính của vấn đề. Bằng nhiều cách thức khác nhau, người học có thể xem xét một cách cụ thể vấn đề đang gặp phải và có thể đề ra phương pháp giải quyết tốt nhất.

Thứ tư là đưa ra một số các giả thuyết và phương thức giải quyết. Trên thực tế, một tình huống có thể dẫn đến nhiều kết quả khác nhau. Chính vì vậy, người giải quyết vấn đề không ngoan là một người biết đề ra nhiều giả thuyết và từ những giả thuyết này, đưa ra những phương thức giải quyết. Nếu thực hiện được bước này, người học có thể xử lí tình huống một cách linh hoạt và chủ động hơn bởi vì trong khi thực hiện bước thứ tư, người học phải tìm ra những giải pháp gợi ý và phải chịu trách nhiệm khai triển các giải pháp

ấy một cách có trình tự. Ví dụ, khi người học đang sử dụng máy tính thì màn hình máy tính bỗng tắt đèn. Ở đây, có thể đặt ra nhiều giả thuyết vì sao màn hình máy tính lại tắt đèn: Do mất điện, do phích cắm bị tự ra khỏi ổ cắm điện hoặc do màn hình máy tính bị hỏng... Từ những giả thuyết này, người học có những phương thức giải quyết khác nhau.

Thứ năm là chọn một phương thức và thì nghiệm xem phương thức này có hiệu quả không. Trong số những phương thức đặt ra, người học lựa chọn một phương thức và thì nghiệm xem phương thức này có mang lại hiệu quả, giải quyết vấn đề hay không. Việc thử nghiệm này sẽ giúp người học có cơ sở chắc chắn về hiệu quả của phương thức giải quyết vấn đề. Nếu hành động đó giải quyết được vấn đề thì tự suy của người học đã đúng, có thể tích lũy nó vào bài học kinh nghiệm của bản thân và sử dụng cho những tình huống sau này. Ngược lại, nếu hành động thất bại, cần bình tĩnh suy xét những thiếu sót, sai lệch trong phương thức của mình và đề ra một phương pháp khác khả thi hơn.

Như vậy, phương thức này chỉ được coi là toàn diện khi cả năm bước được thực hiện. Nếu thiếu một trong bất kì bước nào, quá trình tư duy sẽ không hoàn chỉnh và người học có thể sẽ không giải quyết được tình huống một cách hiệu quả nhất. Bên cạnh đó, cần phải ghi nhớ rằng: Phương thức tư duy toàn diện nhấn mạnh đến việc thực hành. Thiếu giai đoạn thực hành, những kiến thức đã thu thập được từ trước trong các bước thứ hai, thứ ba và thứ tư chỉ là những kiến thức và lí thuyết suông.

2.2.4. Hai nhiệm vụ của người giáo viên

Giáo viên - người trực tiếp truyền thụ kiến thức đến người học - có vai trò vô cùng quan trọng đối với hiệu quả của quá trình GD. Chính vì tầm quan trọng này, John Dewey cho rằng, giáo viên cần phải thực hiện những nhiệm vụ thiết thực để góp phần mang lại một chương trình giảng dạy tích cực cho người học. Theo đó, *nhiệm vụ đầu tiên* của giáo viên là phải mài giũa được "nguyên liệu thô" của người học trở thành những viên ngọc sáng, tức là hướng quá trình học tập của người học đến những kết quả có giá trị. Khi tới trường học, trẻ em không phải là tờ giấy trắng để giáo viên có thể ghi lên đó những bài học về văn minh. Cho đến thời điểm một đứa trẻ đi học, nó đã hết sức nhanh nhẹn, chúng đem theo mình bốn nhu cầu bẩm sinh cơ bản: Nhu cầu giao tiếp, nhu cầu xây dựng, nhu cầu tìm tòi và nhu cầu biểu lộ theo những hình thức tinh tế hơn. Nhà trường không phải là nơi đầu tiên định hình cho một đứa trẻ mọi thứ trong cuộc sống mà trước đó, bất cứ một đứa trẻ nào cũng đã xây dựng cho mình một nguồn hiểu biết nào đó. Tuy nhiên, đó mới chỉ là những nguồn tiếp nhận chưa chọn lọc. Nhiệm vụ của giáo viên là phải nắm bắt những hoạt động của người học và định hướng những hoạt động đó, uốn nắn nguồn nguyên liệu sẵn có của người học thành nguồn tài nguyên hữu ích.

Như vậy, giáo viên trong phương pháp GD của John Dewey đã phần nào khắc phục được những hạn chế trong tư tưởng GD truyền thống trước đây. "Việc người thầy giáo đặt ra những mục tiêu của mình xét như những mục đích thực sự của sự phát triển của trẻ em cũng vô lí chẳng

khác gì việc người nông dân đặt ra một kế hoạch trồng trọt bất chấp các điều kiện" (John Dewey, tr.134). Không phải là người áp đặt cứng nhắc kiến thức lên HS, cũng không phải là người để mặc HS tự xoay sở với kiến thức, người thầy ở đây đóng vai trò là người định hướng kiến thức và tạo cơ hội thuận lợi để người học thực hành lí thuyết đó vào những tình huống thực tế. Để thực hiện được sứ mệnh đó, cần đặt ra những tiêu chuẩn cụ thể đối với giáo viên. Trước tiên, họ phải là những người có kĩ năng chuyên môn cao, hiểu biết thấu đáo về chủ đề giảng dạy, được đào tạo về tâm lí học và khéo léo trong kĩ thuật đưa ra những tác nhân kích thích cần thiết để chủ đề giảng dạy trở thành một phần trong sự trải nghiệm ngày càng mở rộng của người học. Một người thầy như vậy phải có khả năng nhìn nhận thế giới theo cách nhìn của cả trẻ em lẫn người lớn.

Cùng với vai trò nhận thức của nhà triết học lỗi lạc John Dewey, những quy luật, phương thức GD căn bản của nước Mĩ đã được hình thành. Không chỉ có ý nghĩa tạm thời vào thời điểm những nguyên tắc này ra đời mà chúng đã tồn tại cùng với thời gian, vượt qua những phản đối của nhiều quan điểm mới, được nước Mĩ chấp thuận và trở thành kiểu mẫu của nền GD Mĩ hiện đại. Trong đó, ảnh hưởng của triết lí GD John Dewey đối với nền GD Mĩ hiện đại được thể hiện qua ba đặc điểm chủ yếu sau: Nền GD mang tính cạnh tranh cao, nền GD mang tính thực tiễn cao và nền GD đặt tiêu chí hiệu quả lên hàng đầu.

Thứ nhất, một nền GD mang tính cạnh tranh cao là điểm nổi bật đầu tiên mà triết lí GD của John Dewey đã ghi lại dấu ấn. Muốn xã hội ngày càng phát triển, nền GD Mĩ cần tạo ra được các chuyên gia có trình độ cao. Do đó, hệ thống GD Mĩ phải có sự chọn lọc và cạnh tranh mạnh mẽ. Điều này được thể hiện ở hai đối tượng chính: Các cơ sở GD và người học. Đối với các cơ sở GD, tính cạnh tranh cao của nền GD Mĩ được thể hiện trong cơ chế thu hút và chọn lọc HS, sinh viên. Để có thể tiếp nhận đủ số lượng HS, sinh viên, nhất là các HS, sinh viên giỏi, các cơ sở GD đã triển khai nhiều biện pháp với mục đích kêu gọi HS, sinh viên đăng kí học tập tại trường của mình. Trong đó, với mức học phí cao tại Mĩ, chính sách hỗ trợ về mặt tài chính, bao gồm học bổng, các khoản vay, cơ hội việc làm... là một ưu tiên hàng đầu, giúp các HS, sinh viên có thể trang trải được học phí và các chi phí sinh hoạt. Bên cạnh đó, các cơ sở GD Mĩ cũng chủ động gửi đề nghị tiếp nhận học tập đối với những HS, sinh viên ưu tú nhằm thu hút HS, sinh viên đến học. Tại các trường tư - những trường phải vận hành một cách độc lập mà không nhận được sự hỗ trợ từ chính quyền như những trường công, sự cạnh tranh được thể hiện một cách rõ nét hơn. Để giải quyết mối quan ngại về tiêu chuẩn GD, các trường tư thường tiến hành "tự nhân hóa", liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp. Điều này dẫn đến sự hoài nghi về chất lượng đào tạo của các trường tư với quan điểm "tự nhân hóa" đã đặt nhu cầu lợi nhuận của các doanh nghiệp lên trên nhu cầu học tập chính đáng của người học.

Thứ hai, mặc dù chịu ảnh hưởng rất mạnh mẽ từ các mô hình GD truyền thống của các nước châu Âu, nền GD Mĩ lại không chịu sự áp đặt cứng nhắc của các hình thái GD

này mà ngược lại còn phản ánh rất chân thực cuộc sống thực tế, sự phát triển của xã hội Mĩ. Tinh thực tiễn cao trong nền GD Mĩ được thể hiện ở hai đặc điểm cơ bản: Hướng tới nền GD bình đẳng và đặt ra các mục tiêu cụ thể trong GD. Hướng tới nền GD bình đẳng nghĩa là xã hội phải có nghĩa vụ cung cấp những dịch vụ GD như nhau cho tất cả HS ở độ tuổi đến trường. Theo đó, một thành công vượt bậc trong chủ trương hướng đến nền GD bình đẳng của nước Mĩ là phong trào đấu tranh vì quyền GD của phụ nữ, chủ yếu ở các trường đại học. Việc khẳng định quyền GD dành cho phụ nữ đã giúp nhu cầu học tập, tiếp thu tri thức nhân loại của nữ giới được bảo vệ và nâng cao. Không chỉ riêng phụ nữ, các cựu chiến binh cũng có cơ hội tiếp cận với quyền GD đã bị bỏ lỡ trong quá khứ với việc *Đạo luật hỗ trợ cựu chiến binh học đại học* đã được thông qua, giúp hàng triệu cựu chiến binh tham gia chiến tranh Thế giới thứ hai được Chính phủ Liên bang trả tiền học. Đặc biệt, sự bình đẳng trong GD còn được thể hiện ở việc đáp ứng nhu cầu học tập cho các HS bị tàn phế về cơ thể cũng như về tinh thần, các HS khiếm thính, khiếm thị với việc ban hành *Đạo luật giáo dục cho người khuyết tật*. Việc mở rộng cánh cửa học tập cho nhóm đối tượng người học này sẽ góp phần cải thiện, nâng cao kết quả học tập, sự tự tin và các kĩ năng xã hội, giúp họ hòa nhập cộng đồng một cách tốt hơn. Ngoài ra, áp dụng chương trình học tập song ngữ cũng là một khía cạnh tiêu biểu trong việc hướng đến nền GD bình đẳng của nước Mĩ. GD song ngữ không chỉ giúp người học vừa lưu giữ tiếng mẹ đẻ của quê hương mình, vừa học tập một cách tích cực và hiệu quả hơn tiếng Anh để phục vụ cho yêu cầu học tập; mà còn tạo điều kiện để người học có thời gian thích nghi với môi trường học tập để đạt kết quả học tập tốt hơn.

Mặt khác, đối với một nền GD mang đậm tính thực tiễn như nền GD Mĩ, việc đặt ra các mục tiêu cụ thể về thời gian học tập, nội dung chương trình giảng dạy, tiêu chí đánh giá... là vô cùng cần thiết. Trong đó, nền GD Mĩ đặt mục tiêu "Mĩ hóa" lên hàng đầu, nghĩa là con người dù ở bất kì tôn giáo nào, thuộc nhóm văn hóa nào, nói thứ ngôn ngữ nào, đại diện cho quan điểm chính trị nào đều được các trường học của Mĩ chào đón. Đây là một quan điểm GD rộng mở và được hầu hết người dân đồng tình ủng hộ, đặc biệt là những người nhập cư. Điều này góp phần làm giảm bớt những khác biệt về nguồn gốc xã hội, chủng tộc; giúp mọi người yên tâm học tập và lao động.

Thứ ba, đối với nền GD Mĩ, tiêu chí hiệu quả có vai trò vô cùng quan trọng và phải được đặt lên hàng đầu. Biểu hiện rõ nét nhất cho tính hiệu quả của nền GD Mĩ là việc đề cao trách nhiệm của giáo viên và thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng GD. Dù áp dụng bất cứ phương pháp GD nào, vai trò của giáo viên đối với quá trình học tập luôn được đánh giá cao. Theo đó, biểu hiện đầu tiên thể hiện yêu tố đề cao trách nhiệm của giáo viên là mọi giáo viên đều có quyền tham gia vào quá trình đào tạo, bồi dưỡng liên tục nhằm phát triển chuyên môn. Vấn đề đào tạo năng lực giảng dạy cho giáo viên với các hình thức đào tạo phù hợp và ngày càng chuyên sâu là một quá trình xuyên suốt trong cuộc đời dạy học của mỗi người thầy. Đây là nền tảng cần

thiết để giáo viên có thể thực hiện tốt và ngày càng nâng cao chất lượng công tác giảng dạy. Đặc biệt, những đánh giá một cách trung thực nhất của HS, sinh viên về hiệu quả giảng dạy của giáo viên thông qua các phiếu đánh giá là một nhân tố khách quan trong việc hình thành tinh thần trách nhiệm của người thầy. Trên cơ sở các ý kiến của người học, nhà trường sẽ có những điều chỉnh phù hợp để hoạt động truyền dạy tri thức diễn ra một cách hiệu quả nhất.

Bên cạnh đó, muốn đạt hiệu quả cao và ngày càng vượt bậc, chiến lược phát triển GD ở Mĩ rất chú trọng đến công tác kiểm định chất lượng GD, đặc biệt là ở bậc Đại học và sau Đại học. Để thực hiện tốt công tác kiểm định chất lượng GD, cần có những tổ chức chặt chẽ dưới sự quản lí của các nhà GD ưu tú để có thể giám sát và đưa ra những quyết định phù hợp. Trong đó, sinh viên tại các trường được kiểm định có thể chuyển đổi lẫn nhau, có cơ hội tiếp xúc với môi trường học tập mới; đồng thời có thể tạo được niềm tin nơi nhà tuyển dụng bởi uy tín về chất lượng đào tạo của nhà trường. Điều tích cực trong công tác kiểm định chất lượng GD của Mĩ là việc công khai kết quả kiểm định.

Đồng hành cùng quá trình hình thành và phát triển của nước Mĩ, những nội dung cơ bản trong triết lí GD của John Dewey đã tạo nền tảng vững chắc cho việc hình thành một nền GD Mĩ tiên tiến bậc nhất trên toàn cầu. Một nền GD tiên tiến, có sức ảnh hưởng đến các quốc gia khác trên thế giới là đòn bẩy tuyệt vời thúc đẩy sự phát triển của nước Mĩ trên mọi lĩnh vực; đồng thời là điểm đến lí tưởng cho những ai mong muốn khám phá và chinh phục tri thức nhân loại. Với những ý nghĩa quan trọng đó, nền GD Mĩ xứng đáng là một hình mẫu để các quốc gia trên thế giới hướng tới. Trong bối cảnh giao lưu, hội nhập quốc tế hiện nay, nền GD Việt Nam đã mạnh dạn học hỏi kinh nghiệm của những nền GD tiên tiến trong khu vực và trên thế giới. Trong đó, vận dụng những kinh nghiệm quý giá từ nền GD Mĩ là một bước đi không thể bỏ qua. Việc nghiên cứu về những nội dung cơ bản trong triết lí GD mà John Dewey đã dày công nghiên cứu và đúc kết không chỉ mang ý nghĩa học thuật, làm sáng tỏ tầm quan trọng của một triết lí GD tiêu biểu mà còn là một cách tiếp cận thông minh với tinh hoa của nền GD hàng đầu trên thế giới để học hỏi kinh nghiệm nhằm đưa ra những giải pháp tích cực, góp phần cải thiện một cách hiệu quả chất lượng GD tại Việt Nam, nhất là hệ thống GD đại học. Tuy nhiên, với những khác biệt trong nền GD giữa hai quốc gia, cần học hỏi, tiếp thu các kinh nghiệm phát triển GD một cách chọn lọc và phù hợp. Theo đó, GD đại học nước ta có thể học hỏi kinh nghiệm từ nền GD Mĩ trong việc tích cực đầu tư cho hệ thống GD phổ thông, cải thiện chất lượng đội ngũ giáo viên và nâng cao hiệu quả của hệ thống đảm bảo và kiểm định chất lượng GD.

3. Kết luận

Một nền GD chứa đựng những đặc tính ưu việt như vậy sẽ là nền tảng vững chắc cho sự phát triển ngày càng mạnh mẽ của quốc gia hùng mạnh này bởi "Trong suốt chiều dài lịch sử của nước Mĩ, GD luôn là niềm hi vọng lớn lao để cải biến từng cá nhân và xã hội".

Tài liệu tham khảo

- [1] John Dewey, (2008), *Dân chủ và giáo dục*. NXB Tri thức.
- [2] Nguyễn Vũ Hào, (2012), *Triết lý giáo dục của John Dewey và những điểm gợi mở cho việc cải cách căn bản nền giáo dục ở Việt Nam hiện nay*. Kỷ yếu Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần thứ tư: "Việt Nam trên con đường hội nhập và phát triển bền vững", Hà Nội.
- [3] Lê Hoàng Việt Lâm, (2010), *Nền giáo dục Mỹ và một số vấn đề gợi mở cho giáo dục đại học Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học: "Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý giáo dục đại học và cao đẳng Việt Nam", Ban Liên lạc các trường đại học và cao đẳng Việt Nam.
- [4] Chương trình Thông tin Quốc tế, Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ, (2008), *Tóm lược giáo dục Hoa Kỳ*.
- [5] Trung tâm Hoa Kỳ, Phòng Thông tin - Văn hóa, Đại sứ quán Hoa Kỳ, *Chân dung nước Mỹ - Portrait of the USA*.
- [6] Chủ nghĩa thực dụng và ngành Sư phạm, <http://vietbao.vn/Van-hoa/Chu-nghia-thuc-dung-va-nganh-su-pham/40175493/184/>.
- [7] Chủ nghĩa thực dụng trong giáo dục - Phương thức tu duy toàn diện, <https://icevn.org/vi/blog/chu-nghia-thuc-dung-trong-giao-duc-phuong-thuc-tu-duy-toan-dien/>.
- [8] Sự hình thành nước Mỹ: Xã hội và văn hóa Mỹ, http://photos.state.gov/libraries/vietnam/8616/transdoc/trans_MakingAmerica.pdf.
- [9] *Triết học giáo dục của John Dewey*, <http://www.sachhay.org/diem-sach/ChiTiet/173/triet-hoc-giao-duc-cua-john-dewey>.

THE EDUCATIONAL PHILOSOPHY OF JOHN DEWEY - THE FORMATION PROCESS AND SOME BASIC CONTENT

Pham Thi Hong Ngan

Ho Chi Minh National Academy of Politics, Region III
No. 232, Nguyen Cong Tru St. Son Tra ward,
Danang City, Vietnam
Email: hongnganhv3@gmail.com

ABSTRACT: *While there exist limitations that need to be overcome in the traditional education of the United States, John Dewey has introduced two principles of educational philosophy, three stages of the curriculum, five steps of comprehensive thinking and two duties of a teacher. John Dewey's educational philosophy is like a breath of fresh air which creates a solid premise for the development of contemporary American education. Through time, the contents of John Dewey's educational philosophy do not diminish its influence, but continues to accompany and has become the basic rules and modes for the modern American education.*

KEYWORDS: John Dewey; American education; educational philosophy.